

KẾ HOẠCH
Tổng kết 10 năm thực hiện Luật Tiếp công dân

Thực hiện Kế hoạch số 2077/KH-TTTP ngày 08/10/2024 của Thanh tra Chính phủ về việc tổng kết 10 năm thực hiện Luật Tiếp công dân, UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Kế hoạch tổng kết 10 năm thực hiện Luật Tiếp công dân trên địa bàn tỉnh (từ ngày 01/7/2014 đến ngày 01/7/2024), cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đánh giá khách quan, toàn diện thực tiễn 10 năm thực hiện Luật tiếp công dân, qua đó xác định những kết quả đạt được, những hạn chế, bất cập và nguyên nhân của những hạn chế, bất cập của Luật và trong việc tổ chức thực hiện Luật tiếp công dân.

- Đề xuất các nội dung cần sửa đổi, bổ sung nhằm khắc phục kịp thời những bất cập, khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn công tác tiếp công dân, làm cơ sở cho việc hoàn thiện pháp luật về tiếp công dân, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tiếp công dân, bảo đảm phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng về công tác tiếp công dân trong tình hình mới.

2. Yêu cầu

- Việc tổng kết phải được thực hiện nghiêm túc, khách quan và toàn diện trên phạm vi toàn tỉnh; bảo đảm tiến độ, hiệu quả và tiết kiệm.

- Việc tổng kết phải đánh giá đúng thực trạng, kết quả công tác tiếp công dân được tổng hợp từ báo cáo đơn vị, sở ban ngành theo Đề cương, kèm theo số liệu cụ thể; chú trọng phân tích làm rõ những điểm bất cập, khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và đề xuất giải pháp cụ thể trong việc sửa đổi, bổ sung Luật tiếp công dân.

II. PHẠM VI, HÌNH THỨC, NỘI DUNG TỔNG KẾT

1. Phạm vi

- Việc tổng kết, đánh giá thực hiện Luật Tiếp công dân được thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh.

- Kỳ tổng kết 10 năm, thời gian lấy thông tin, số liệu thống kê từ ngày 01/7/2014 đến ngày 01/7/2024.

2. Hình thức

Tổ chức tổng kết bằng hình thức tổng kết bằng văn bản.

3. Nội dung

Báo cáo theo đề cương và biểu gửi kèm, trong đó lưu ý các nội dung:

- Đánh giá toàn diện việc thực hiện các quy định của pháp luật về tiếp công dân.

- Nghiên cứu, đánh giá các quy định của pháp luật về tiếp công dân trong 10 năm qua (từ 01/7/2014 đến 01/7/2024).

- Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả tiếp công dân và hoàn thiện pháp luật về tiếp công dân trong thời gian tới.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng UBND tỉnh, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố Biên Hòa và thành phố Long Khánh

Căn cứ Kế hoạch này, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Biên Hòa và thành phố Long Khánh có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc tiến hành báo cáo tổng kết đánh giá 10 năm thực hiện Luật Tiếp công dân phạm vi quản lý.

Thực hiện báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Luật Tiếp công dân trong phạm vi quản lý địa phương, sở, ban, ngành, theo đề cương (kèm theo Kế hoạch này); trong đó, cần tập trung làm rõ những vấn đề khó khăn, vướng mắc giữa quy định pháp luật và thực tiễn, kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoàn thiện pháp luật tiếp công dân. Báo cáo bằng văn bản (có bảng thống kê số liệu kèm theo) gửi về UBND tỉnh (đồng gửi Thanh tra tỉnh) để tổng hợp chung; thời gian gửi báo cáo chậm nhất **trước ngày 11/11/2024**.

2. Thanh tra tỉnh

- Theo dõi, đôn đốc các sở, ban, ngành, đơn vị, UBND các huyện, thành phố gửi báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Luật Tiếp công dân theo đúng quy định tại Kế hoạch này;

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu tổng hợp, dự thảo Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Luật Tiếp công dân trong phạm vi của tỉnh, trình UBND tỉnh trước **ngày 30/11/2024** để báo cáo về Thanh tra Chính phủ theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch tổng kết đánh giá 10 năm thực hiện Luật Tiếp công dân, đề nghị các sở, ban, ngành, đơn vị, UBND các huyện, thành phố căn cứ kế hoạch triển khai thực hiện. 

Nơi nhận:

- Thanh tra Chính phủ;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- Chánh, PCVP phụ trách TCD;
- Lưu: VT, HCTC, BTCD.

DKN.2024



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**
Nguyễn Thị Hoàng



ĐỀ CƯƠNG

Tổng kết 10 năm thực hiện Luật tiếp công dân

(Kèm theo Kế hoạch số 44/KH-UBND ngày 28 / 10 /2024 của UBND tỉnh)

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Khái quát đặc điểm, tình hình chung của đơn vị, địa phương trong công tác tiếp công dân.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tiếp công dân

1.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản trị, triển khai Luật tiếp công dân và văn bản hướng dẫn thi hành Luật;

1.2. Việc xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về tiếp công dân theo thẩm quyền

1.3. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật tiếp công dân.

1.4. Kết quả thanh tra, kiểm tra trách nhiệm trong công tác tiếp công dân.

2. Tình hình, kết quả tiếp công dân

2.1. Bối cảnh và tình hình chung về công tác tiếp công dân của đơn vị, địa phương.

2.2. Thống kê và phân tích số vụ việc, số lượt người đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; số vụ việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đồng người, phức tạp.

2.3. Tổng hợp và phân tích kết quả xử lý các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh: chuyển cho các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết; hướng dẫn cho công dân khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết; thụ lý để giải quyết theo thẩm quyền.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA LUẬT TIẾP CÔNG DÂN

1. Việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của người đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; trách nhiệm của người tiếp công dân

- Quyền, nghĩa vụ của người đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.
- Trách nhiệm của người tiếp công dân.

2. Việc thực hiện trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác tiếp công dân

- Trách nhiệm tổ chức, lãnh đạo, chỉ đạo công tác tiếp công dân.
- Trách nhiệm tiếp công dân định kỳ của người đứng đầu.
- Trách nhiệm tiếp công dân đột xuất của người đứng đầu.

3. Việc tổ chức tiếp công dân tại Trụ sở tiếp công dân

- Về cơ cấu tổ chức và thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban tiếp công dân

cấp tỉnh, cấp huyện.

- Việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban tiếp công dân cấp tỉnh, cấp huyện.

- Mỗi quan hệ phối hợp giữa Ban tiếp công dân với các đơn vị có liên quan.

4. Việc tổ chức tiếp công dân tại địa điểm tiếp công dân của cơ quan, tổ chức, đơn vị

- Việc thành lập bộ phận tiếp công dân hoặc bố trí công chức làm công tác tiếp công dân; việc bố trí địa điểm và điều kiện vật chất tại địa điểm tiếp công dân.

- Việc tổ chức triển khai hoạt động tiếp công dân của cơ quan, tổ chức, đơn vị tại địa điểm tiếp công dân.

5. Hoạt động tiếp công dân của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân

- Việc công bố thông tin về việc tiếp công dân của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân.

- Việc tiếp nhận và xử lý bước đầu khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

- Việc phân loại, chuyển nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đến cơ quan, người có thẩm quyền thụ lý, giải quyết.

- Việc thông báo kết quả xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

6. Việc tiếp và xử lý trường hợp nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về một nội dung

- Số lượng các vụ việc có nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về một nội dung.

- Tiếp và xử lý trường hợp nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về một nội dung tại nơi tiếp công dân.

- Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc tiếp và xử lý trường hợp nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

7. Điều kiện đảm bảo cho hoạt động tiếp công dân

- Các điều kiện đảm bảo cho hoạt động tiếp công dân (kinh phí, cơ sở vật chất, trang thiết bị, việc áp dụng công nghệ thông tin...)

- Chế độ, chính sách đối với cán bộ tiếp công dân.

8. Đánh giá chung về công tác tiếp công dân

8.1. Đánh giá chung về kết quả của công tác tiếp công dân

8.2. Đánh giá những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế, nguyên nhân trong công tác tiếp công dân.

(Kèm theo Biểu số 01/TCD, 02 TCD, 03/XLD)

IV. ĐÁNH GIÁ CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ TIẾP CÔNG DÂN

1. Ưu điểm

Đánh giá ưu điểm thông qua tính phù hợp, khả thi, hiệu quả của Luật tiếp

công dân và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Tồn tại, hạn chế

2.1. Những chủ trương, chính sách của Đảng chưa được thể chế hóa và những vấn đề phát sinh trong thực tiễn chưa có quy định để điều chỉnh.

2.2. Những quy định không khả thi, không phù hợp với thực tiễn.

2.3. Những quy định còn chưa rõ ràng, còn có nhiều cách hiểu khác nhau nhưng chưa có văn bản hướng dẫn, dễ dẫn đến sự tùy tiện trong áp dụng pháp luật.

2.4. Những quy định còn mâu thuẫn, chồng chéo.

2.5. Những vướng mắc, bất cập khác.

(Kèm theo Biểu số 04/TCD).

V. KIẾN NGHỊ

1. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật

Kiến nghị sửa đổi, bổ sung quy định của pháp luật về tiếp công dân để bảo đảm phù hợp, khả thi, hiệu lực, hiệu quả của Luật tiếp công dân và sự đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật (Đề nghị nêu rõ những quy định cần sửa đổi, bổ sung; lý do của việc sửa đổi, bổ sung)

2. Kiến nghị về công tác tổ chức thi hành pháp luật về tiếp công dân

Kiến nghị giải pháp, biện pháp, cách thức tổ chức thực hiện pháp luật về tiếp công dân để bảo đảm công tác tiếp công dân đi vào thực chất, phát huy hiệu lực, hiệu quả..

*** Lưu ý: UBND cấp huyện báo cáo số liệu của UBND cấp xã.**